

Số: /2019/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO 2

THÔNG TƯ

Quy định định mức chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định định mức chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định định mức chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (sau đây gọi chung là di tích) sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách để xác định chi phí lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi là quy hoạch di tích), lập dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, lập thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn khác vận dụng các quy định tại Thông tư này để xác định chi phí lập quy hoạch di tích, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Điều 3. Nguyên tắc xác định chi phí tư vấn

1. Chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được tính đúng, tính đủ cho từng quy hoạch, dự án, công trình và phù hợp với các giai đoạn của quá trình đầu tư xây dựng, các bước thiết kế, loại công tác khảo sát xây dựng, cấp công trình và các quy định có liên quan.

2. Trường hợp quy mô của quy hoạch di tích nằm trong khoảng giữa hai quy mô quy định tại Bảng số 1 Phần I Phụ lục của Thông tư này thì sử dụng phương pháp nội suy để xác định mức chi phí.

Công thức nội suy như sau:

$$G = G_b - \frac{(G_a - G_b)}{(Q_a - Q_b)} (Q_a - Q)$$

Trong đó:

- G: Định mức chi phí cần nội suy
- G_a : Định mức chi phí tương ứng với Q_a
- G_b : Định mức chi phí tương ứng với Q_b
- Q: Quy mô quy hoạch được lập
- Q_a : Quy mô quy hoạch cận trên quy mô quy hoạch được lập
- Q_b : Quy mô quy hoạch cận dưới quy mô quy hoạch được lập

3. Công trình bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích được phân cấp theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 4. Nội dung chi phí tư vấn

1. Nội dung chi phí tư vấn lập quy hoạch di tích:

a) Chi phí cho các công việc xác định theo định mức quy định tại Thông tư này, đã bao gồm các khoản như: Chi phí thu thập các tài liệu có liên quan; chi phí văn phòng phẩm; chi phí chuyên gia; chi phí khấu hao máy, thiết bị; chi phí quản lý; chi phí xin ý kiến; chi phí thẩm định quy hoạch; chi phí khác (dự phòng phí, trượt giá, tăng lương...); thu nhập chịu thuế tính trước; thuế giá trị gia tăng.

b) Chi phí cho các công việc xác định theo định mức quy định tại Thông tư này, chưa bao gồm các khoản như: Chi phí sưu tầm, mua tài liệu, số liệu (tư liệu, bản đồ, bản vẽ, ảnh chụp lịch sử, số liệu khảo cổ; số liệu, tài liệu các điều kiện tự nhiên - xã hội chưa công bố; bản đồ vùng, liên kết vùng, tài liệu các quy hoạch, dự án liên quan, và các tài liệu khác liên quan đến công tác lập quy hoạch di tích); chi phí nghiên cứu phân tích, đánh giá, xử lý tài liệu, số liệu; chi phí khảo sát, đo vẽ, đánh giá hiện trạng di tích, các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng tại di tích và các vấn đề khác có liên quan; chi phí thăm dò, khai quật



khảo cổ; chi phí thí nghiệm, đánh giá về tình trạng di tích và môi trường di tích; chi phí hội thảo chuyên đề, hội nghị lấy ý kiến cộng đồng góp ý cho quy hoạch; chi phí làm mô hình tổng thể; chi phí cho các công việc khác phục vụ công tác lập quy hoạch.

2. Nội dung chi phí tư vấn lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

a) Khi lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, không được tính chi phí đã có trong chi phí lập quy hoạch của một hoặc một cụm di tích đã được phê duyệt.

b) Chi phí cho các công việc lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quy định tại Thông tư này, chưa bao gồm các khoản như: Chi phí sưu tầm, mua tài liệu, số liệu (tư liệu, bản đồ, bản vẽ, ảnh chụp lịch sử, số liệu khảo cổ và các tài liệu khác liên quan đến công tác lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích); chi phí khảo sát, đo vẽ, đánh giá hiện trạng di tích, các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng tại di tích và các vấn đề khác có liên quan; chi phí thăm dò, khai quật khảo cổ; chi phí thí nghiệm, đánh giá về tình trạng di tích và môi trường di tích; chi phí hội thảo, hội nghị làm rõ các giá trị của di tích; chi phí xin ý kiến nhân chứng lịch sử, cộng đồng nhân dân; chi phí tham quan học tập kinh nghiệm; chi phí khác đối với dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công không có yêu cầu làm quy hoạch; chi phí cho các công việc khác phục vụ công tác lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

3. Đối với chi phí các công việc nêu tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn xác định chi phí tư vấn bằng phương pháp lập dự toán quy định tại Phần II Phụ lục của Thông tư này. Việc thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Đối với những công việc chưa có quy định trị số định mức hoặc có quy mô lớn hơn quy mô quy định tại Bảng số 1 Phần I Phụ lục của Thông tư này thì xác định chi phí bằng phương pháp lập dự toán quy định tại Phần II Phụ lục của Thông tư này.

Chương II

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH DI TÍCH VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN QUY HOẠCH DI TÍCH

Điều 5. Chi phí lập quy hoạch di tích

1. Định mức chi phí lập quy hoạch di tích được quy định tại Thông tư này tương ứng với nội dung công việc được quy định tại Điều 10 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm

quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

2. Chi phí lập quy hoạch di tích được tính theo định mức chi phí tại Bảng số 1 Phần I Phụ lục của Thông tư này.

Điều 6. Các chi phí khác liên quan đến quy hoạch di tích

Các chi phí khác liên quan đến quy hoạch di tích thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

1. Chi phí lập nhiệm vụ lập quy hoạch di tích (bao gồm thẩm định chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và xây dựng);

2. Chi phí thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch di tích (bao gồm thẩm định chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và xây dựng);

3. Chi phí thẩm định quy hoạch di tích (bao gồm thẩm định chuyên môn về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích và xây dựng).

4. Chi phí công bố và cung cấp thông tin về quy hoạch di tích.

Điều 7. Chi phí điều chỉnh quy hoạch di tích đã được phê duyệt

1. Quy mô điều chỉnh không vượt quy mô quy hoạch di tích đã được phê duyệt, chi phí điều chỉnh quy hoạch di tích tính bằng 70% chi phí lập quy hoạch di tích mới tương ứng.

2. Quy mô điều chỉnh vượt quá 30% quy mô quy hoạch đã được phê duyệt thì chi phí điều chỉnh quy hoạch di tích được xác định như lập quy hoạch mới.

Chương III

XÁC ĐỊNH CHI PHÍ LẬP DỰ ÁN, BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT, THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Điều 8. Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích

1. Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ di tích:

a) Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh tính theo định mức chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công đầu tư đối với công trình dân dụng do Bộ Xây dựng ban hành có hiệu lực vào thời điểm áp dụng và được điều chỉnh hệ số $K=1,1$;

b) Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ di tích quốc gia đặc biệt tính theo định mức chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công đầu tư đối với công trình dân

dụng do Bộ Xây dựng ban hành có hiệu lực vào thời điểm áp dụng và được điều chỉnh hệ số $K=1,3$.

2. Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công phục hồi di tích:

Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công phục hồi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh tính theo định mức chi phí quy định tại khoản 1 Điều này nhân với hệ số $K=1,2$.

3. Chi phí lập dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trước thuế tính bằng tổng chi phí bảo quản, tu bổ, phục hồi công trình và nội thất - đồ thờ di tích trước thuế giá trị gia tăng được duyệt nhân với tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng của định mức chi phí lập dự án, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp một dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công có nhiều nội dung khác nhau (bảo quản, tu bổ, phục hồi) thì việc xác định hệ số của dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được xác định bằng cách tách khối lượng từng phần theo một báo cáo quy mô đầu tư lập trước và điều chỉnh sau khi dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Quy định chuyển tiếp

Các công việc lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đang thực hiện theo hợp đồng đã ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực. **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Di sản văn hóa trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

3. Trường hợp có hướng dẫn mới về chi phí quản lý tư vấn đầu tư xây dựng công trình bao gồm cả chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công thì áp dụng theo hướng dẫn mới của Bộ quản lý nhà nước về xây dựng công trình./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDNTNNĐ của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Hội đồng DSVHQG;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở VHTTDL, Sở VH TT các tỉnh, Tp. trực thuộc TW;
- Công báo VP Chính phủ, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các Tổng cục, VP, Thanh tra, Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ VHTTDL;
- Website Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, DSVH, PC, ĐT, KC.350.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

PHỤ LỤC

*(Ban hành theo Thông tư số /2019/TT-BVHTTDL ngày tháng năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Phần I

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUY HOẠCH DI TÍCH

1. Hướng dẫn chung

a) Khi lập quy hoạch di tích, không được tính chi phí đối với những khu vực quy hoạch của một hoặc một cụm di tích đã được phê duyệt.

b) Chi phí lập quy hoạch di tích trong Thông tư này áp dụng cho khu vực lập quy hoạch, không áp dụng cho khu vực nghiên cứu quy hoạch.

2. Định mức chi phí lập quy hoạch di tích

Bảng số 1: Định mức chi phí lập quy hoạch di tích

Quy mô diện tích (ha)	≤ 5	10	20	30	50	75	100	200	300	500	750	1.000
Định mức chi phí (triệu đồng/ha)	56,29	41,28	33,77	26,27	18,76	15,01	13,14	9,2	6,94	4,7	3,75	3,19

Ghi chú:

a) Định mức chi phí tại Bảng số 1 để lập quy hoạch di tích cho 01 (một) di tích có tỷ lệ 1/500; nếu sử dụng tỷ lệ 1/2.000 thì nhân hệ số điều chỉnh $K = 0,7$. Trường hợp quy mô quy hoạch lớn hơn 1.000 ha thì lập dự toán theo quy định.

b) Định mức quy hoạch trong Bảng số 1 dùng cho 01 (một) di tích quốc gia đặc biệt, nếu là một cụm di tích thì nhân hệ số điều chỉnh $K = 1,2$.

Phần II

HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN CHI PHÍ

1. Tổng hợp dự toán chi phí tư vấn hướng dẫn theo bảng dưới đây:

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đ)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia			Ccg
2	Chi phí quản lý	$\% * Ccg$		Cql
3	Chi phí khác			Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$\% * (Ccg + Cql + Ck)$		TN
5	Thuế giá trị gia tăng	$\% * (Ccg + Cql + Ck + TN)$		VAT
6	Chi phí dự phòng	$\% * (Ccg + Cql + Ck + TN + VAT)$		Cdp
	Tổng cộng	$Ccg + Cql + Ck + TN + VAT + Cdp$		Ctv

2. Cách xác định các thành phần chi phí:

2.1. Chi phí chuyên gia (Ccg):

2.1.1. Chi phí chuyên gia khi chưa xác định được tổ chức tư vấn:

- Thời gian làm việc của chuyên gia (số lượng tháng/người, ngày/người hoặc giờ/người) được xác định theo nội dung, yêu cầu của công việc tư vấn, tiến độ dự kiến hoàn thành công việc và trình độ chuyên môn dự kiến của chuyên gia.

- Tiền lương chuyên gia: Căn cứ mức tiền lương bình quân của chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện do Nhà nước quy định hoặc căn cứ mức tiền lương theo quy định của nhà tài trợ, tổ chức quốc tế. Mức lương của chuyên gia tương ứng với thời gian làm việc của chuyên gia theo tháng hoặc ngày, hoặc giờ.

- Chi phí liên quan khác bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản trích nộp khác (nếu có).

2.1.2. Chi phí chuyên gia khi đã xác định được tổ chức tư vấn:

- Thời gian làm việc của chuyên gia (số lượng tháng/người, ngày/người hoặc giờ/người) được xác định theo nội dung, yêu cầu của công việc tư vấn, tiến độ dự kiến hoàn thành công việc và trình độ chuyên môn của từng loại chuyên gia cụ thể.

- Tiền lương chuyên gia: Căn cứ mức thu nhập thực tế có tính chất tiền lương của chuyên gia đã được kiểm toán hoặc mức tiền lương xác định theo biên lai thuế thu nhập cá nhân hoặc tiền lương do cơ quan tài chính cấp trên xác nhận hoặc tiền lương trong các hợp đồng tương tự đã thực hiện trong năm gần nhất của các tổ chức tư vấn đó. Mức lương của chuyên gia tương ứng với thời gian làm việc của chuyên gia theo tháng hoặc ngày hoặc giờ.

- Chi phí liên quan khác bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản trích nộp khác (nếu có).

2.2. Chi phí quản lý (Cql): Chi phí quản lý là khoản chi phí liên quan đến tiền lương của bộ phận quản lý, chi phí duy trì hoạt động của tổ chức tư vấn, chi phí văn phòng làm việc... Chi phí quản lý xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của chi phí chuyên gia.

2.3. Chi phí khác (Ck): Gồm chi phí mua tài liệu, số liệu, bản đồ các loại, văn phòng phẩm (giấy, mực, bút...), phần mềm lập quy hoạch, thiết kế (nếu có); chi phí khấu hao thiết bị; chi phí đi lại của chuyên gia; chi phí hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác (nếu có). Trong đó:

- Chi phí mua tài liệu, số liệu, bản đồ các loại, văn phòng phẩm (giấy, mực, bút...), phần mềm lập quy hoạch, thiết kế (nếu có): Dự kiến trên cơ sở yêu cầu cần thiết để thực hiện công việc tư vấn.

- Chi phí khấu hao thiết bị: Dự kiến trên cơ sở yêu cầu về số lượng thiết bị, thời gian sử dụng thiết bị cần thiết để thực hiện công việc và giá thiết bị phổ biến trên thị trường.

- Chi phí hội nghị, hội thảo: Dự kiến trên cơ sở nhu cầu cần thiết của công việc tư vấn.

- Các khoản chi phí khác xác định trên cơ sở dự kiến nhu cầu thực hiện của từng loại công việc tư vấn.